TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN KIÊN LƯƠNG** **TỈNH KIÊN GIANG** Số: **85**/2024/QĐST-DS	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc** *Kiên Lương, ngày 30 tháng 7 năm 2024*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 22 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 266/2024/TLST-DS ngày 05 tháng 7 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1959.

Địa chỉ: Tổ A, khu phố K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

- *Bị đơn*: Ông Tô Văn T, sinh năm 1980.

Địa chỉ: Khu phố K, thị trấn K, huyện K, tỉnh Kiên Giang.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Bị đơn ông Tô Văn T trình bày: Ông thừa nhận ngày 30/11/2022 có vay tiền của bà Nguyễn Thu H1 số tiền 200.000.000^{đ}, có làm biên nhận, ông có ký tên và ghi họ tên vào biên nhận, có thỏa thuận lãi bằng lời nói. Từ khi vay cho đến nay ông chưa thanh toán nợ gốc, lãi cho bà H1. Nay ông còn nợ vay gốc, lãi số tiền 250.000.000^{đ} và ông đồng ý trả nợ vay gốc lãi này cho bà H1.

* *Về phương thức thanh toán*: Ông T trả nợ vay mỗi tháng 5.000.000^{đ} cho đến khi hết nợ vay cho bà H1. Thực hiện trả nợ vay vào ngày 30 hàng tháng và thực hiện trả lần đầu vào ngày 30/8/2024.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thu H1 trình bày: Bà Hiện thống nhất số nợ vay gốc, lãi số tiền 250.000.000^{đ} và cách thanh toán nợ vay như ông T đưa ra trên.

Trường hợp ông T vi phạm bất kỳ kỳ hạn trả nợ nào thì bà H1 có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền cưỡng chế thi hành toàn bộ số nợ để thu hồi nợ.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền nêu trên, thì người phải thi hành án còn phải trả cho người được thi hành án số tiền lãi theo mức lãi suất được quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Ngoài ra, khi thực hiện giao dịch vay tiền, ông T giao cho bà H1 giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: BQ 511495 được Ủy ban nhân dân huyện K cấp ngày 19/11/2013 cho ông Tô Văn T đứng tên. Nay bà H1 ông T đều có ý kiến để cho bà H1 tiếp tục giữ Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho đến khi ông T thực hiện nghĩa vụ trả hết nợ vay cho bà H1 thì bà H1 phải có nghĩa vụ giao trả lại Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất này cho ông T.

Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm là 6.250.000^{đ}, mỗi người phải chịu ½. Bà H1 phải nộp 3.125.000^{đ}, ông T phải nộp 3.125.000^{đ}.

Do bà Nguyễn Thu H1 là người cao tuổi nên được miễn nộp tiền tạm ứng án phí theo quy định tại điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Tthườngvụ Quốc hội về án phí, lệ phí Tòa án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, 7a, 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Cao Thị Mai